



© UNICEF Viet Nam/2010/Truong Viet Hung

2012

This calendar contains the most updated data about children in Viet Nam, based on the 4th round of the Viet Nam Multiple Indicator Cluster Survey (MICS 4), which was conducted by the General Statistics Office from December 2010 to January 2011. Focussing on the fundamental rights of children as defined in the Convention on the Rights of the Child, the data highlight the equity challenges that remain in Viet Nam to realize the rights of all children.

The aim of the 2012 calendar is to contribute to the better understanding of the situation of children in Viet Nam and to call upon all stakeholders to take action to help Vietnamese children realise their rights and reach their full potential.

Please visit the UNICEF Viet Nam website at www.unicef.org/vietnam for the full report of the MICS 4.

Bộ lịch này bao gồm các số liệu mới nhất về trẻ em Việt Nam từ Báo cáo Điều tra Đánh giá các Chỉ tiêu về Trẻ em và Phụ nữ lần thứ 4 (MICS4), do Tổng cục Thống kê thực hiện từ tháng 12/2010 đến tháng 1/2011. Tập trung vào các quyền cơ bản của trẻ em quy định trong Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em, các số liệu nêu lên những thách thức về sự bất bình đẳng trong việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam.

Bộ lịch này mong muốn góp phần làm tăng sự hiểu biết về trẻ em ở Việt Nam và kêu gọi các bên liên quan cùng hành động nhằm thực hiện quyền trẻ em và giúp trẻ em Việt Nam được hưởng quyền và được phát triển tối đa khả năng của mình.

Xin truy cập trang web của UNICEF Việt Nam www.unicef.org/vietnam để xem toàn văn Báo cáo MICS4.



© UNICEF Viet Nam 2007/Doan Bao Chau

JANUARY

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

- 01/01: New year
- 23-25/01: Têt holidays

Right to nutritious food (CRC article 24)

In Viet Nam only 17% of children are exclusively breastfed for the first 6 months of their life. Children living in the poorest households are nearly three times as likely to be exclusively breastfed as children living in the wealthiest families (28% versus 11.2%). Similarly, ethnic minority children are twice as likely to be exclusively breastfed as their Kinh/Hoa peers (31.9% versus 14%).



© UNICEF Việt Nam 2007/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 1

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
						1 _{8/12}
2 ₉	3 ₁₀	4 ₁₁	5 ₁₂	6 ₁₃	7 ₁₄	8 ₁₅
9 ₁₆	10 ₁₇	11 ₁₈	12 ₁₉	13 ₂₀	14 ₂₁	15 ₂₂
16 ₂₃	17 ₂₄	18 ₂₅	19 ₂₆	20 ₂₇	21 ₂₈	22 ₂₉
23 _{1/1}	24 ₂	25 ₃	26 ₄	27 ₅	28 ₆	29 ₇
30 ₈	31 ₉					

- 01/01: Tết dương lịch
- 23-25/01: Tết nguyên đán

Quyền được có thức ăn đủ dinh dưỡng (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam chỉ 17% trẻ em được nuôi bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đời. Trẻ em sống trong các gia đình nghèo nhất có khả năng được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ gấp 3 lần trẻ em sống trong các gia đình giàu nhất (28% so với 11,2%). Tương tự như vậy, trẻ em dân tộc ít người có khả năng được nuôi bằng sữa mẹ hoàn toàn cao hơn gấp 2 lần trẻ em dân tộc Kinh/Hoa (31,9% so với 14%).



© UNFPA Viet Nam/2009/Doan Bao Chau

FEBRUARY

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29				

Right to good quality health care (CRC article 24)

In Viet Nam, over 7 out of 10 women (77.5%) are protected against Neonatal Tetanus. However, there are significant disparities by ethnicity, as only 59.2% of ethnic minority women are protected against neonatal tetanus, compared to 81% of Kinh/Hoa women.



© UNFPA Việt Nam/2009/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 2

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
		1 _{10/1}	2 ₁₁	3 ₁₂	4 ₁₃	5 ₁₄
6 ₁₅	7 ₁₆	8 ₁₇	9 ₁₈	10 ₁₉	11 ₂₀	12 ₂₁
13 ₂₂	14 ₂₃	15 ₂₄	16 ₂₅	17 ₂₆	18 ₂₇	19 ₂₈
20 ₂₉	21 ₃₀	22 _{1/2}	23 ₂	24 ₃	25 ₄	26 ₅
27 ₆	28 ₇	29 ₈				

Quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, cứ 10 phụ nữ thì hơn 7 người (77,5%) được tiêm phòng uốn ván sơ sinh. Tuy nhiên, có sự chênh lệch khá lớn giữa các nhóm dân tộc vì chỉ 59,2% phụ nữ dân tộc ít người được tiêm phòng uốn ván sơ sinh so với 81% ở phụ nữ dân tộc Kinh/Hoa



© UNICEF Viet Nam 2007/Doan Bao Chau

MARCH

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

Right to safe drinking water and a clean environment (CRC article 24)

In Viet Nam, over 7 out of 10 households (70.1%) use improved sources of drinking water and improved sanitation facilities. However, a child living in a Kinh/Hoa household is more than twice as likely to have access to those facilities as a child living in an ethnic minority household (75.5% versus 31.3%).



© UNICEF Việt Nam 2007/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 3

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
			1 _{9/2}	2 ₁₀	3 ₁₁	4 ₁₂
5 ₁₃	6 ₁₄	7 ₁₅	8 ₁₆	9 ₁₇	10 ₁₈	11 ₁₉
12 ₂₀	13 ₂₁	14 ₂₂	15 ₂₃	16 ₂₄	17 ₂₅	18 ₂₆
19 ₂₇	20 ₂₈	21 ₂₉	22 _{1/3}	23 ₂	24 ₃	25 ₄
26 ₅	27 ₆	28 ₇	29 ₈	30 ₉	31 ₁₀	

Quyền được có nước sạch và vệ sinh môi trường tốt (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, 7 trong 10 hộ gia đình (70,1%) sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh. Tuy nhiên, trẻ em dân tộc Kinh/Hoa có khả năng được hưởng các điều kiện này cao hơn 2 lần so với trẻ em dân tộc ít người (75,5% so với 31,3%)



© UNICEF Viet Nam/2007/Doan Bao Chau

APRIL

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30						

● 30/04: Reunification day

Right to good quality health care (CRC article 24)

In Viet Nam 40.1% of children between 12 and 23 months are fully immunised. However, considerable disparities exist between rural and urban areas with 52% of urban children fully immunised compared to only 34.8% of children in rural areas.



© UNICEF Việt Nam/2007/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 4

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
						1 _{11/3}
2 ₁₂	3 ₁₃	4 ₁₄	5 ₁₅	6 ₁₆	7 ₁₇	8 ₁₈
9 ₁₉	10 ₂₀	11 ₂₁	12 ₂₂	13 ₂₃	14 ₂₄	15 ₂₅
16 ₂₆	17 ₂₇	18 ₂₈	19 ₂₉	20 ₃₀	21 _{1/4}	22 ₂
23 ₃	24 ₄	25 ₅	26 ₆	27 ₇	28 ₈	29 ₉
30 ₁₀						

● 30/04: Ngày thống nhất đất nước

Quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam 40,1% trẻ em từ 12 đến 23 tháng được tiêm chủng đầy đủ (phòng lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi và viêm gan B). Tuy nhiên, có sự chênh lệch đáng kể giữa khu vực nông thôn vào thành thị với 52% trẻ em ở thành thị được tiêm chủng đầy đủ so với 34,8% trẻ em ở nông thôn.



© UN Viet Nam 2010/Aidan Dockery

MAY

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

● 01/05: Labour day

Right to nutritious food (CRC article 24)

In Viet Nam nearly 1 in every 4 children under five (22.7%) are stunted or shorter than they should be for their age. The stunting rate among ethnic minority children is twice as high: while 19.6% of Kinh/Hoa children are stunted, the rate goes up to 40.9% for ethnic minority children.



© UN Việt Nam/2010/Aidan Dockery

THÁNG 5

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
	1 _{11/4}	2 ₁₂	3 ₁₃	4 ₁₄	5 ₁₅	6 ₁₆
7 ₁₇	8 ₁₈	9 ₁₉	10 ₂₀	11 ₂₁	12 ₂₂	13 ₂₃
14 ₂₄	15 ₂₅	16 ₂₆	17 ₂₇	18 ₂₈	19 ₂₉	20 ₃₀
21 _{1/4 N}	22 ₂	23 ₃	24 ₄	25 ₅	26 ₆	27 ₇
28 ₈	29 ₉	30 ₁₀	31 ₁₁			

● 01/05: Ngày Quốc tế lao động

Quyền được có thức ăn đủ dinh dưỡng (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, gần 1/4 trẻ dưới 5 tuổi (22,7%) bị thấp còi hay thấp hơn so với độ tuổi. Tỷ lệ thấp còi ở trẻ em ở nhóm dân tộc ít người cao hơn gấp 2 lần trẻ em dân tộc Kinh/Hoa. Trong khi 19,6% trẻ em dân tộc Kinh/Hoa bị còi cọc thì tỷ lệ này ở trẻ dân tộc ít người lên tới 40,9%.



© UNICEF Viet Nam/2007/Doan Bao Chau

JUNE

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

Right to a name and a nationality (CRC article 7)

In Viet Nam, 95% of children under five have their birth registered. However, more Kinh/Hoa children (96.7%) have this right fulfilled than children from ethnic minority groups (84.9%).



© UNICEF Việt Nam/2007/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 6

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
				1 _{12/4 N}	2 ₁₃	3 ₁₄
4 ₁₅	5 ₁₆	6 ₁₇	7 ₁₈	8 ₁₉	9 ₂₀	10 ₂₁
11 ₂₂	12 ₂₃	13 ₂₄	14 ₂₅	15 ₂₆	16 ₂₇	17 ₂₈
18 ₂₉	19 _{1/5}	20 ₂	21 ₃	22 ₄	23 ₅	24 ₆
25 ₇	26 ₈	27 ₉	28 ₁₀	29 ₁₁	30 ₁₂	

Quyền được có tên và có quốc tịch (Điều 7 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, 95% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh. Tuy nhiên, nhiều trẻ em dân tộc Kinh/Hoa (96,7%) được đăng ký khai sinh hơn các em thuộc dân tộc ít người (84,9%).



© UN Viet Nam 2010. Aidan Dockery

JULY

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

Right to protection from harmful and exploitative work (article 32)

In Viet Nam, nearly 1 in every 10 children (9.5%) aged 5–14 are involved in child labour, meaning that they participate at least one hour of economic or 28 hours of domestic work (if aged 5-11) and at least 14 hours of economic work or 28 hours of domestic work (if aged 12-14) per week. This percentage is three times higher among ethnic minority children compared to Kinh/Hoa children (23.5% versus 7.1%).



© UN Việt Nam 2010/Aidan Dockery

THÁNG 7

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
						1 _{13/5}
2 ₁₄	3 ₁₅	4 ₁₆	5 ₁₇	6 ₁₈	7 ₁₉	8 ₂₀
9 ₂₁	10 ₂₂	11 ₂₃	12 ₂₄	13 ₂₅	14 ₂₆	15 ₂₇
16 ₂₈	17 ₂₉	18 ₃₀	19 _{1/6}	20 ₂	21 ₃	22 ₄
23 ₅	24 ₆	25 ₇	26 ₈	27 ₉	28 ₁₀	29 ₁₁
30 ₁₂	31 ₁₃					

Quyền được bảo vệ không phải làm những công việc độc hại và không bị bóc lột (Điều 32 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, cứ 1 trong 10 trẻ em tuổi từ 5-14 (9,5%) tham gia lao động trẻ em, nghĩa là trong một tuần trẻ từ 5-11 tuổi tham gia lao động kiếm tiền ít nhất 1 giờ hoặc phải làm việc nhà 28 giờ và trẻ em từ 12-14 tuổi lao động kiếm tiền ít nhất 14 giờ và làm việc nhà 28 giờ. Tỷ lệ này ở trẻ em dân tộc ít người cao hơn gấp 3 lần ở trẻ em dân tộc Kinh/Hoa. (23,5% so với 7,1%)



© UN Viet Nam/2010/Aidan Dockery

AUGUST

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

Right to survival (CRC article 24)

Viet Nam has made impressive progress in reducing child mortality rates with a decline from 45 to 14 deaths per 1,000 live births among infants and from 66 to 16 among children under five between 2000 and 2011.

Yet, in 2011, the Infant Mortality Rate and the under five Mortality Rate are three times higher among ethnic minority children (30 and 39 deaths per 1000 live births) than among Kinh/Hoa children (10 and 12 deaths per 1,000 live births).



© UN Việt Nam/2010/Aidan Dockery

THÁNG 8

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
		1 _{14/6}	2 ₁₅	3 ₁₆	4 ₁₇	5 ₁₈
6 ₁₉	7 ₂₀	8 ₂₁	9 ₂₂	10 ₂₃	11 ₂₄	12 ₂₅
13 ₂₆	14 ₂₇	15 ₂₈	16 ₂₉	17 _{1/7}	18 ₂	19 ₃
20 ₄	21 ₅	22 ₆	23 ₇	24 ₈	25 ₉	26 ₁₀
27 ₁₁	28 ₁₂	29 ₁₃	30 ₁₄	31 ₁₅		

Quyền được sống (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Việt Nam đạt được thành tích ấn tượng trong việc giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2011, tỉ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi giảm từ 45 xuống còn 14 và tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi giảm từ 66 xuống 16 trên 1000 trẻ sinh ra sống.

Tuy nhiên, năm 2011 tỉ lệ tử vong ở trẻ em dân tộc ít người cao hơn gấp 3 lần ở trẻ em dân tộc Kinh/Hoa. Trong khi tỉ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi dân tộc Kinh/Hoa là 10 và 12 trên 1000 trẻ sinh sống, thì tỉ lệ này ở trẻ dân tộc ít người là 30 và 39.



© UNICEF Viet Nam\2010\Truong Viet Hung

SEPTEMBER

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30

● 02/09: Independence day

Right to education (CRC article 28)

In Viet Nam 78.3% of boys and 83.9% of girls attend secondary school. Among the poorest households only 64.6% of boys and 66% of girls attend secondary school compared to 95% of boys and 96.4% of girls among the wealthiest households.



© UNICEF Việt Nam\2010\Trương Việt Hùng

THÁNG 9

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
					1 _{16/7}	2 ₁₇
3 ₁₈	4 ₁₉	5 ₂₀	6 ₂₁	7 ₂₂	8 ₂₃	9 ₂₄
10 ₂₅	11 ₂₆	12 ₂₇	13 ₂₈	14 ₂₉	15 ₃₀	16 _{1/8}
17 ₂	18 ₃	19 ₄	20 ₅	21 ₆	22 ₇	23 ₈
24 ₉	25 ₁₀	26 ₁₁	27 ₁₂	28 ₁₃	29 ₁₄	30 ₁₅

● 02/09: Ngày Quốc khánh

Quyền được học hành (Điều 28 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, 78,3% trẻ em trai và 83,9% trẻ em gái học trung học. Trong đó, 64,6% trẻ em trai và 66% trẻ em gái ở các gia đình nghèo nhất được đi học trung học và tỉ lệ này ở các em trong các gia đình giàu nhất là 95% ở em trai và 96,4% ở em gái.



© UN Viet Nam/2010/Aidan Dockery

OCTOBER

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

Right to nutritious food (CRC article 24)

In Viet Nam, the household consumption of adequately iodised salt – stands at 45.1% in 2011. This is still far below global standards: The World Health Organization (WHO) and UNICEF recommend Universal Salt Iodisation as a safe, cost-effective and sustainable strategy to ensure sufficient intake of iodine, meaning that at least 90 per cent of households must consume adequately iodised salt.



© UN Việt Nam 2010/Aidan Dockery

THÁNG 10

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
1 _{16/8}	2 ₁₇	3 ₁₈	4 ₁₉	5 ₂₀	6 ₂₁	7 ₂₂
8 ₂₃	9 ₂₄	10 ₂₅	11 ₂₆	12 ₂₇	13 ₂₈	14 ₂₉
15 _{1/9}	16 ₂	17 ₃	18 ₄	19 ₅	20 ₆	21 ₇
22 ₈	23 ₉	24 ₁₀	25 ₁₁	26 ₁₂	27 ₁₃	28 ₁₄
29 ₁₅	30 ₁₆	31 ₁₇				

Quyền được có thức ăn đủ dinh dưỡng (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, tỉ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh là 45,1% năm 2011. Tỉ lệ này vẫn thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn quốc tế: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và UNICEF khuyến cáo phổ cập muối i-ốt là một giải pháp an toàn, hiệu quả với chi phí thấp và có tính bền vững nhằm đảm bảo cung cấp đủ i-ốt, có nghĩa là phải có ít nhất 90% hộ gia đình sử dụng muối i-ốt.



© UNICEF Viet Nam\2007\Doan Bao Chau

NOVEMBER

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		

Right to protection from all forms of violence (CRC article 19)

In Viet Nam, 1 in every 3 women (35.8%) believes that a husband/partner is justified to beat his wife/partner. The main reasons that are believed to justify domestic violence include neglecting the children, arguing with the husband and going out without the husband's permission. Acceptance of domestic violence is higher among the poorest and less educated households.



© UNICEF Việt Nam 2007/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 11

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
			1 _{18/9}	2 ₁₉	3 ₂₀	4 ₂₁
5 ₂₂	6 ₂₃	7 ₂₄	8 ₂₅	9 ₂₆	10 ₂₇	11 ₂₈
12 ₂₉	13 ₃₀	14 _{1/10}	15 ₂	16 ₃	17 ₄	18 ₅
19 ₆	20 ₇	21 ₈	22 ₉	23 ₁₀	24 ₁₁	25 ₁₂
26 ₁₃	27 ₁₄	28 ₁₅	29 ₁₆	30 ₁₇		

Quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bạo lực (Điều 19 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Ở Việt Nam, hơn 1/3 phụ nữ (35,8%) tin rằng chồng có quyền đánh vợ trong một số trường hợp nhất định. Nguyên nhân chủ yếu là do không chăm sóc con cái, cãi lại chồng và đi chơi không được sự đồng ý của chồng. Việc chấp nhận bạo lực gia đình phổ biến hơn ở các gia đình nghèo và có trình độ văn hóa hạn chế.



© UNFPA Viet Nam/2009/Doan Bao Chau

DECEMBER

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

Right to information to help children stay healthy (CRC article 24)

About half or 45.1% of Vietnamese women aged 15-49 years have comprehensive knowledge about HIV/AIDS, (i.e. that they can correctly identify two ways of preventing HIV infection, know that a healthy looking person can have HIV, and reject the two most common misconceptions about HIV transmission). However, among the poorest households only slightly more than 1 in every 4 women (28.7%) have such comprehensive knowledge.



© UNFPA Việt Nam 2009/Đoàn Bảo Châu

THÁNG 12

TH.2	TH.3	TH.4	TH.5	TH.6	TH.7	CN
					1 _{18/10}	2 ₁₉
3 ₂₀	4 ₂₁	5 ₂₂	6 ₂₃	7 ₂₄	8 ₂₅	9 ₂₆
10 ₂₇	11 ₂₈	12 ₂₉	13 _{1/11}	14 ₂	15 ₃	16 ₄
17 ₅	18 ₆	19 ₇	20 ₈	21 ₉	22 ₁₀	23 ₁₁
24 ₁₂	25 ₁₃	26 ₁₄	27 ₁₅	28 ₁₆	29 ₁₇	30 ₁₈
31 ₁₉						

Quyền được thông tin để giúp trẻ khỏe mạnh (Điều 24 Công ước QT Quyền Trẻ em)

Gần một nửa phụ nữ Việt Nam (45,1%) trong độ tuổi 15-49 có kiến thức toàn diện về HIV/AIDS (ví dụ họ có thể nêu chính xác 2 đường lây truyền HIV, biết rằng một người trông khỏe mạnh cũng có khả năng có HIV và chỉ ra đúng 2 hiểu biết sai lầm về HIV). Tuy nhiên, chỉ 1 trong 4 phụ nữ (28.7%) trong các hộ gia đình nghèo nhất có hiểu biết đầy đủ về HIV.



© UNICEF Viet Nam\2010\Truong Viet Hung

2012

CONTACT INFORMATION

Ha Noi Office

Add: 81A Tran Quoc Toan,
Hoan Kiem, Ha Noi - Viet Nam
Tel: (84 4) 3.942.5706 - 11
Fax: (84 4) 3.942.5705
Email: hanoi.registry@unicef.org

Website: <http://www.unicef.org/vietnam/>

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Văn phòng Hà Nội

ĐC: 81A Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3.942.5706 – 11
Fax: (84 4) 3.942.5705
Email: hanoi.registry@unicef.org

Website: <http://www.unicef.org/vietnam/vi/>

Ho Chi Minh Office

Add: Unit 1406, Suh Wah Tower,
115 Nguyen Hue Boulevard, District 1,
Ho Chi Minh City - Viet Nam
Tel: (84 8) 3.821.9413
Fax: (84 8) 3.821.9415
Email: hanoi.registry@unicef.org

Văn phòng Hồ Chí Minh

ĐC: Phòng 1406, Suh Wah Tower,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3.821.9413
Fax: (84 8) 3.821.9415
Email: hanoi.registry@unicef.org